TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HIỆP** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **26**/2019/HNGĐST
Ngày 13-5-2019
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Minh Đạo**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Văn Hải**

2. Bà **Phạm Thị Thu Trang**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Chi** – Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 13 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2019/TLST–HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2019/QĐXXST–HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Phan Hữu S.U** – sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: tổ 8, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Chị **Phạm Thị Thanh H** – sn 1982 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn anh Phan Hữu S.U trình bày:***

Anh và chị Phạm Thị Thanh H chung sống với nhau vào năm 1999, không đăng ký kết hôn, không tổ chức đám cưới. Trước khi chung sống, anh chị có tìm hiểu nhau trước khoảng 01 năm. Sau đó dọn về chung sống với nhau tại nhà của anh S.U tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị bất đồng quan điểm với nhau

trong cuộc sống, không hợp nhau trong cuộc sống hàng ngày, hôn nhân không được như ý nguyện.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung:

1. Phan Vĩ K – sinh năm 2000

Cháu K hiện nay đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh S.U yêu cầu:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh yêu cầu được ly hôn với chị H.

- *Về quan hệ con chung:* Cháu Phan Vĩ K - sinh năm 2000 hiện đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Theo bản tự khai và biên bản đối chất, bị đơn chị Phạm Thị Thanh H trình bày***:

Chị Phạm Thị Thanh H xác nhận lời trình bày của anh S.U về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn, về con chung, về tài sản và nợ chung là đúng,

Tại Tòa án, chị H yêu cầu:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H đồng ý ly hôn với anh S.U.

- *Về quan hệ con chung:* Cháu Phan Vĩ K – sinh năm 2000 hiện đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản và nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của anh Phan Hữu S.U được quy định tại khoản 1, Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp. Chị Phạm Thị Thanh H đã được Tòa án tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng tại phiên tòa hôm nay chị H vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; ngoài ra anh S.U yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H nên Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 xét xử vắng mặt chị Phạm Thị Thanh H.

Xét yêu cầu xin ly hôn anh Phan Hữu S.U, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xét mối quan hệ hôn nhân giữa anh Phan Hữu S.U

và chị Phạm Thị Thanh H.

Anh S.U và chị H chung sống với nhau vào năm 1999, không đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân không hợp pháp.

Tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định:

"Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý".

[2] Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của anh Phan Hữu S.U:

- Anh S.U và chị H chung sống với nhau mà không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất không công nhận anh Phan Hữu S.U và chị Phạm Thị Thanh H là vợ chồng.

- Về quan hệ con chung: Anh Phan Hữu S.U và chị Phạm Thị Thanh H xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Phan Vĩ K – sinh năm 2000, hiện đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

- Về án phí HNGĐST: Anh Phan Hữu S.U phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 9, Điều 26, và khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Phan Hữu S.U và chị Phạm Thị Thanh H là vợ chồng.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Phan Hữu S.U phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0005450 ngày 05 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn chị Phạm Thị Thanh H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tân Hiệp;
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Minh Đạo